

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 1: 听说明天你们去长城, 我跟你们一起去行吗? 我还没去过长城_____!

- A. 吧 B. 呢 C. 嘛 D. 啊

Câu 2: 他工作的时候 _____ 极了, 你跟他说话他就像没听见一样。

- A. 专心 B. 关心 C. 放心 D. 担心

Câu 3: 他现在学习不好, 你要帮他一_____。

- A. 次 B. 回 C. 把 D. 件

Câu 4: 她是个温柔、美丽、善良的姑娘, 给我的_____是很深刻的。

- A. 形象 B. 记忆 C. 印象 D. 想念

Câu 5: 他几十年如一日, 每天都坚持早起锻炼, _____ 节假日 _____ 不例外。

- A. 即使……也…… B. 无论……都…… C. 只要……就…… D. 既然……就……

Câu 6: _____ 的手机我用得多了, 还都不如这个好用。

- A. 各种各样 B. 各种每样 C. 每种每样 D. 每种各样

Câu 7: 一_____金星红旗在巴亭广场上迎风飘扬。

- A. 面面 B. 条条 C. 件件 D. 张张

Câu 8: 你如果有一个愉快的心境, 快乐就_____很简单了。

- A. 成为 B. 变成 C. 变化 D. 变得

Câu 9: 你的人生该_____着怎样的路去走, 完全取决于你个人, 没有人会提醒你。

- A. 跟 B. 往 C. 沿 D. 随

Câu 10: _____营养的角度讲, 还是简单些的家庭饭菜更有利于健康。

- A. 关于 B. 从 C. 对 D. 对于

Câu 11: 老朋友_____是老朋友, 遇到困难时他总是第一时间出现。

- A. 格外 B. 最后 C. 必定 D. 到底

Câu 12: 在经历了失败后, 他不但没有消沉, _____坚定了信心。

- A. 反而 B. 反正 C. 反之 D. 反复

Câu 13: 你_____找张经理, _____找李经理, 不管有他俩谁的签字都行。

- A. 不仅……反而…… B. 或者……或者……
C. 还是……还是…… D. 一是……一是……

Câu 14: 小城市的这种轻松悠闲的生活对我这种人很_____。

- A. 适当 B. 适时 C. 适度 D. 合适

Câu 15: 当年他是全村里唯一一个考上大学的, 这儿的男女老少_____不认识他?

- A. 哪 B. 什么 C. 谁 D. 哪里

Câu 16: 政府采取了一系列的环保措施, _____人民创造了一个优美的生活环境。

- A. 使 B. 让 C. 向 D. 给

Câu 17: 买书，重要的不是价格，而是其使用价值，_____买它何用？
A. 并且 B. 因此 C. 否则 D. 何况

Câu 18: _____最后考试得多少分，只要比以前进步了，_____应该感到满意。
A. 尽管……都…… B. 哪怕……就……
C. 不管……就…… D. 不但……而且……

Câu 19: 我们学习文学，是要把文学当作事业去创造、去发展，_____把它当作手中的玩物。
A. 反而是 B. 也就是 C. 而且是 D. 而不是

Câu 20: 很快就放假了，弟弟打算_____就去顺化旅行。
A. 考试了 B. 先考试 C. 考完了试 D. 完了考试

Câu 21: 他是我_____见到的最诚实的孩子了。
A. 的 B. 地 C. 得 D. 所

Câu 22: 一个人的成功与失败_____在于他天生的环境如何，_____在于他的态度与做法。
A. 不……而…… B. 不……还…… C. 不……就…… D. 不……也……

Câu 23: 第一场雪过后，孩子们兴奋得在雪地上堆雪人、打雪仗，他们的手冻得_____的。
A. 冰凉冰凉 B. 冰凉极了 C. 非常冰凉 D. 冰冰凉凉

Câu 24: 他决定离开那家公司是因为_____工作压力太大，_____待遇不够好。
A. 一面……一面…… B. 一边……一边……
C. 一来……二来…… D. 一方面……一方面……

Câu 25: 这种东西我们家乡多_____, 怎么到这里都成宝贝了。
A. 着了 B. 着呢 C. 着吧 D. 着吗

Câu 26: _____都是北京传统的四合院，引得不少中外友人来此参观。
A. 对面马路那一排排的小平房
B. 马路对面那一排排的小平房
C. 那一排排的小平房马路对面
D. 那一排排的小平房对面马路

Câu 27: 晚会肯定是要举行的，_____演什么节目，以后要专门开会研究。
A. 甚至 B. 至于 C. 以至 D. 从而

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 28: 近年来局部战争时有发生，但和平与发展_____是当今世界两大主题。
A. 极 B. 仍 C. 扔 D. 及

Câu 29: 人们总是可以敏感地觉_____到自己的苦处，可是对别人的痛处缺乏了解。
A. 察 B. 蔡 C. 擦 D. 查

Câu 30: 来越南不去下龙湾看看，那真是太可_____了。
A. 昔 B. 蜡 C. 腊 D. 惜

Câu 31: 这些女孩儿最喜欢穿很时_____的衣服。
A. 毛 B. 毫 C. 豪 D. 髮

Câu 32: 人口、环境与发展三大问题_____切相关，必须同时解决。
A. 秘 B. 蜜 C. 密 D. 疣

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 33: 要想 A 在短期内把 B 口语水平提高 C，非得下一番苦功夫 D 不可。（起来）

Câu 34: 以后每隔三 A 个 B 月 C 左右 D，由公司组织一次情况报告会。（半）

Câu 35: A 跟他 B 打过交道的，C 没有说他 D 不好的。（凡是）

Câu 36: 关于这件事，学校 A 准备 B 了解 C 一下儿 D 当时的情况。（找每个人）

- Câu 37:** 我 A 下了决心 B, 今后一定要 C 让父母 D 为我骄傲。 (暗暗)
- Câu 38:** A 上课的时间 B 快到了, 恐怕 C 吃 D 早饭了。 (来不及)
- Câu 39:** 他 A 这个学期的 B 考试 C 成绩 D 好多了。 (比上学期)
- Câu 40:** A 中央台 B 今晚 C 转播越南队和泰国队 D 的足球比赛。 (通过卫星)
- Câu 41:** A 王林 B 能有 C 今天的辉煌, 完全是靠 D 他身上的那股拼劲儿。 (人家)

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 42 đến câu 46.

纸张可分为原生纸和再生纸。原生纸的生产原料是木材，全世界每年因生产纸张而消耗的木材料是相当惊人的。再生纸可用废纸作原料。据统计，回收 1000 千克废纸，可生产 800 千克的再生纸，节约木材 4 立方米，相当于保护 17 棵大树。一个大城市如能将一年丢弃的近万吨废纸全部回收利用，就相当于保护了几十万棵大树。这不仅节约了造纸的木材，更重要的是间接地保护了森林资源，保护了地球上的生态环境。

回收废纸用于制造再生纸，还有相当可观的经济效益。比如建造一个以废纸为原料的纸厂，可以省去以原木为原料造纸时的原木加工处理工序，因而节约投资 50%。另外用废纸造纸，水、电、煤的消耗也大大减少，使再生纸的生产成本大大降低。

目前，世界各国对废纸的回收利用相当重视。如日本全国的废纸回收率在 50%以上，德国高达 83%，而美国更是废纸利用和废纸出口的大国。据悉，美国除了将废纸中的主要成分废报纸送入纸厂制造再生纸浆外，又开发出了两种利用价值更高的新用途——用废纸改良土壤，用废报纸生产饲料，都取得了成功。

回收废纸，减少了城市的垃圾量，也减少了对森林的砍伐量，还降低了再生纸生产的成本价格，真可谓一举多得。

(选自 石梅、马栏等编著《轻松阅读中级汉语泛读》，北京大学出版社，2006 年)

Câu 42: 根据短文内容以下哪一项是正确的？

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| A. 生产 800 千克纸需要 17 棵大树 | B. 1000 千克废纸可以生产 4 立方米木材 |
| C. 4 立方米木材可以生产 1000 千克纸 | D. 生产 1000 千克纸需要 17 棵大树 |

Câu 43: 关于原生纸和再生纸，下面哪项不正确？

- | | |
|----------------------|-------------------------|
| A. 废纸回收对保护地球的生态环境有好处 | B. 和原生纸比，再生纸可以降低 50%的成本 |
| C. 用废纸造纸可以节约能源 | D. 再生纸比原生纸便宜 |

Câu 44: 开发废纸新用途的国家是：

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 中国 | B. 日本 | C. 美国 | D. 德国 |
|-------|-------|-------|-------|

Câu 45: 废纸的新用途是：

- | | |
|--------------|--------------|
| A. 生产水、电、饲料 | B. 产生水、电、纸浆 |
| C. 生产饲料、改良土壤 | D. 生产饲料、再生纸浆 |

Câu 46: 这篇短文想告诉我们：

- | | |
|-----------------|---------------|
| A. 世界各国是怎么回收废纸的 | B. 为什么要回收废纸 |
| C. 如何分类纸张 | D. 再生纸是用什么制造的 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 47: Phiên âm đúng của từ 推销 là: tuīx _____.

- | | | | |
|-------|--------|-------|--------|
| A. āo | B. uān | C. uē | D. iāo |
|-------|--------|-------|--------|

Câu 48: Phiên âm đúng của từ 增长 là: _____ ēngzhǎng.

- | | | | |
|-------|------|-------|------|
| A. ch | B. z | C. zh | D. c |
|-------|------|-------|------|

Câu 49: Phiên âm đúng của từ 纯洁 là: chún _____ ié.

- | | | | |
|------|------|------|------|
| A. q | B. d | C. x | D. j |
|------|------|------|------|

Câu 50: Phiên âm đúng của từ 丰收 là: f_____ shōu.

- A. ēn B. ān C. ūng D. ēng

Câu 51: Phiên âm đúng của từ 和睦 là: _____.

- A. hému B. hému C. hēmù D. hémù

Câu 52: Phiên âm đúng của từ 照料 là: _____.

- A. zhàoliào B. zhāoliào C. zhàoliāo D. zhāoliāo

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 53 đến câu 62.

我从青城山走下来，刚走到汽车前，突然发现身后有一个七八岁的男孩儿，看样子他是跟了我一阵子了。他手里拿着 (53) _____ 白铁链说：“你买了吧。”我忍不住笑了，说：

“我不买，我不 (54) _____ 这玩意儿。”可他仍旧盯着我不离开。我回过身，冲着他往远处一指说：“你去那边看看吧，也许有人买。”随即踏进车门。男孩子一下子哭了，是一种既委屈 (55) _____ 伤心的哭。他一面哭一面说：“你买了吧，我上学还没有学费呢。”我的心一下子 (56) _____ 了。我又走下车，问他要几块钱。“三块。”我边掏钱边说：“你真会做买卖，谁教的？”这时走 (57) _____ 一位老婆婆说：“他爹妈都不在了，他是 (58) _____ 奶奶过。”原来这样，我稍稍停了一会儿，马上拿出五十块钱递给他。他睁大眼睛，吃惊地望着我，突然接过钱，没说话，转身 (59) _____ 跑了。

上了车，我看着他跑的那条小路，忽然在小路的尽头出现了他的 (60) _____. 他手里提着一个塑料袋向我这儿跑过来。我想：“糟了，不知又向我推销什么？”我马上关上车门。他跑到窗下，把塑料袋举给我：“这是青城山特产的栗子，是送给你的。”我心里有点不是 (61) _____，说道：“阿姨不要。”可他一个劲地说：“拿着嘛，拿着嘛。”我只好拿了一些。见我装到兜里，他高兴地 (62) _____ 我笑了，但愿他能永远笑下去。

(选自 刘学敏等编著《中级汉语练习题萃》，北京大学出版社，2008年)

Câu 53: A. 一条

B. 一根

C. 一棵

D. 一片

Câu 54: A. 系

B. 戴

C. 穿

D. 带

Câu 55: A. 越

B. 又

C. 或

D. 有

Câu 56: A. 热

B. 软

C. 凉

D. 疼

Câu 57: A. 出来

B. 上来

C. 过去

D. 过来

Câu 58: A. 顺着

B. 跟从

C. 跟着

D. 随着

Câu 59: A. 偏

B. 才

C. 就

D. 只

Câu 60: A. 阴影

B. 个子

C. 身影

D. 身体

Câu 61: A. 味道

B. 滋味

C. 趣味

D. 风味

Câu 62: A. 就

B. 同

C. 往

D. 朝

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 63: 你不了解事情的经过，怎么可以乱讲话。

- A. 名词 B. 动词 C. 副词 D. 形容词

Câu 64: 为了让孩子能够考上大学，很多父母还是给孩子找补习班。

- A. 连词 B. 介词 C. 动词 D. 副词

Câu 65: 越南加入世界贸易组织后，大大方便了国内企业的经营。

- A. 副词 B. 形容词 C. 动词 D. 名词

Câu 66: 随着改革开放的深入，普通百姓接触国外新鲜事物的机会也越来越多，视野也开阔了。

- A. 介词 B. 动词 C. 连词 D. 代词

Câu 67: 几年来，他们用勤劳的双手使生活发生了根本的变化。

- A. 形容词 B. 代词 C. 名词 D. 副词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích cho từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 68: 你来中国两年多了，处理问题就是比我们有经验。

- A. 解决 B. 交往 C. 安排 D. 处分

Câu 69: 每天工作这么长时间，身体怎么吃得消？

- A. 支持不住 B. 吃了饭能消化 C. 吃了饭不消化 D. 支持得住

Câu 70: 小娟是个热心肠儿，特别喜欢给别人帮忙。

- A. 喜欢热闹的人 B. 喜欢管闲事儿的人
C. 热情的人 D. 爱交往的人

Câu 71: 生产的发展大大地改善了人民的物质生活和精神生活。

- A. 进步 B. 改良 C. 提高 D. 日益

Câu 72: 现在社会需要有经济头脑的人才。

- A. 意识 B. 脑力 C. 领导 D. 计划

Câu 73: 在新加坡，城市公共交通高效、迅捷、方便，堵车现象确实少见。

- A. 明确 B. 的确 C. 确切 D. 真实

Câu 74: 你这样做解决不了这个问题，只会帮倒忙。

- A. 不能够帮别人的忙 B. 到处帮别人的忙
C. 想帮别人的忙却帮不上 D. 帮不了忙却给添麻烦

Câu 75: 在老师的多次劝告和母亲的督促下，我总算能够按时上课了。

- A. 老是 B. 终于 C. 总是 D. 究竟

Câu 76: 专家说生吃胡萝卜不利于人体对维生素的吸收。

- A. 不煮就吃 B. 不想吃而勉强吃 C. 没长熟就吃 D. 没去掉皮就吃

Câu 77: 我们在一起学习四年，眼看就要分开了，心里真有点儿舍不得。

- A. 后来 B. 知道 C. 看见 D. 马上

Câu 78: 尽管地球上 70% 是水，然而，淡水却只占总水量的 2.6% 左右。

- A. 并且 B. 但是 C. 虽然 D. 而且

Câu 79: 这间房子虽然不大，装饰得倒挺讲究。

- A. 乐观 B. 精彩 C. 可观 D. 精美

Câu 80: 这次回家乡，看到这里的一草一木，都感到很亲切。

- A. 亲手 B. 亲近 C. 亲自 D. 亲身

----- HẾT -----